

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021
của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành
chính của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách
hành chính năm 2021 của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ
quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành
chính năm 2021 tại Tờ trình số 01/TTr-HĐTĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ
quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

1. Khối các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Văn phòng UBND tỉnh	42,00	9,93	-	51,93	99,87
2	Sở Nội vụ	58,42	9,92	27,20	95,54	96,51

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
3	Sở Khoa học và Công nghệ	57,43	9,43	27,28	94,14	95,09
4	Sở Tài chính	56,21	9,88	25,82	91,94	94,75
5	Sở Tư pháp	58,36	9,42	25,82	93,60	93,60
6	Thanh tra tỉnh	41,80	9,55	-	51,35	93,36
7	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	55,58	9,44	26,94	91,96	91,96
8	Sở Giao thông vận tải	55,32	9,36	25,69	90,37	91,28
9	Sở Ngoại vụ	52,67	9,30	-	61,97	91,13
10	Sở Du lịch	52,47	9,01	27,56	89,04	90,86
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	55,08	9,74	24,10	88,92	90,73
12	Sở Thông tin và Truyền thông	54,73	9,67	25,34	89,74	90,65
13	Sở Công Thương	56,14	9,48	23,18	88,80	89,70
14	Ban Dân tộc	39,87	8,89	-	48,76	89,47
15	Sở Y tế	54,40	9,47	24,76	88,63	88,63
16	Sở Văn hóa và Thể thao	53,42	9,24	25,47	88,13	88,13
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	53,91	9,32	23,94	87,17	88,05
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	52,90	9,41	24,77	87,08	87,96
19	Ban Quản lý Khu kinh tế	51,16	9,06	24,12	84,34	84,34
20	Sở Xây dựng	49,70	9,57	23,87	83,14	83,98
21	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,62	9,42	21,33	81,37	82,19
Giá trị trung bình		52,49	9,45	25,13	82,28	90,58

2. Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

XẾP HẠNG	UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Hoài Nhơn	53,46	8,08	23,82	85,36	85,36
2	Vĩnh Thạnh	47,94	7,55	29,13	84,62	84,62
3	An Lão	50,42	7,68	26,21	84,31	84,31
4	Tây Sơn	50,39	8,02	25,70	84,11	84,11
5	Hoài Ân	51,18	8,09	23,38	82,65	82,65
6	Quy Nhơn	48,99	8,30	24,97	82,26	82,26
7	Phù Cát	49,94	7,95	22,55	80,44	80,44
8	Tuy Phước	47,58	7,79	24,60	79,97	79,97
9	Phù Mỹ	49,44	7,85	22,41	79,70	79,70
10	An Nhơn	46,70	8,03	21,85	76,58	76,58
11	Vân Canh	45,84	7,32	22,46	75,62	75,62
Giá trị trung bình		49,26	7,88	24,28	81,42	81,42

3. Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

XẾP HẠNG	TÊN CƠ QUAN	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Tổng điểm đạt được	CHỈ SỐ CCHC (%)
			Khảo sát ĐB HĐND tỉnh; CBCCVC lãnh đạo	Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức		
1	Cục Hải quan tỉnh	25,00	7,95	52,85	85,80	85,80
2	Kho bạc Nhà nước tỉnh	24,50	7,85	52,83	85,18	85,18
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	24,50	8,12	51,69	84,31	84,31
4	Cục Thuế tỉnh	25,00	8,12	49,39	82,51	82,51
5	Bảo hiểm xã hội tỉnh	24,49	8,76	48,96	82,21	82,21
Giá trị trung bình		24,70	8,16	51,14	84,00	84,00

(Phụ lục kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm:

1. Phê duyệt Báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 được công bố tại Quyết định này trước ngày 30 tháng 01 năm 2022; đồng thời, hướng dẫn công tác khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao kết quả, chất lượng công tác cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Tham mưu, đề xuất việc đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 của Người đứng đầu các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh); hoàn thành trước ngày 30 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Căn cứ kết quả, Báo cáo Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, phân tích, đánh giá kết quả đạt được; đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính vào tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; có giải pháp đẩy mạnh, cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trong thời gian đến.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tổng cục Hải quan;
- Tổng cục Thuế;
- Kho bạc Nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan tỉnh;
- TT các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Viện Nghiên cứu phát triển KTXH tỉnh;
- Đài PT và TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD, NKTB;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long